

Số: /TB-CCTT&BVTV

Vinh Phúc, ngày tháng 7 năm 2021

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY
(Từ ngày 14/7 đến ngày 20/7/2021)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Trong tuần trời nắng nóng, có mưa rào và dông. Lượng mưa đo được tại Vinh Yên 17 mm (cao hơn CKNT). Nhiệt độ trung bình 30,9°C (thấp hơn CKNT), cao nhất 35°C, thấp nhất 25°C.

Âm độ trung bình 78 - 80% (tương đương CKNT).

Số giờ nắng đạt 75 - 78 giờ (cao hơn CKNT).

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Diện tích gieo trồng vụ mùa 2021 là: 30.687,2 ha, trong đó:

- Lúa mùa: 23.801,9 ha (đẻ nhánh rộ - đứng cái - làm đòng).
- Ngô: 1.631,5 ha (xoáy nõn - trổ cờ).
- Đậu tương: 144,4 ha (phát triển thân lá).
- Lạc: 413,9 ha (phát triển thân lá).
- Khoai lang: 152,6 ha (phát triển thân lá).
- Rau: 2.088,9 ha (các giai đoạn).
- Cây khác: 2454,1 ha (các giai đoạn).

Thời tiết trong tuần trời nắng nóng, có lúc có mưa rào và dông. Cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Một số đối tượng sinh vật gây hại nhẹ.

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA

Trưởng thành vào bẫy đèn (con/đèn/đêm): Sâu đục thân 2 chấm 1,1 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 8 con (Sông Lô); Sâu đục thân cú mèo 0,2 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 2 con (Vĩnh Tường, Sông Lô); Rầy nâu 1,1 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 7 con (Lập Thạch); Rầy lưng trắng 0,16 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 2 con (Bình Xuyên; Tam Dương); Rầy xanh đuôi đen 0,4 con (tương đương kỳ trước), nơi cao 3 con (Lập Thạch); Sâu cuốn lá nhỏ 1,29 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 7 con (Sông Lô).

1. Trên cây lúa

- Sâu cuốn lá nhỏ (tuổi 1, 2, 3, 4, nhộng, trưởng thành) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 2 - 4 con/m², cao 7 - 10 con/m², cục bộ 28 - 30 con/m² (Tam Đảo, Tam Dương).

- Sâu đục thân 2 chấm (tuổi 5, nhộng, trưởng thành) gây hại rải rác, tỷ lệ đánh hại phổ biến 0,2 - 0,5%, cao 2 - 4%, cục bộ 10% (Lập Thạch).

- Rầy nâu (tuổi 5, trưởng thành) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 5 - 7 con/m², cao 13 - 15 con/m² (Sông Lô).

- Bệnh vàng lá sinh lý gây hại cục bộ, tỷ lệ khóm hại phổ biến 1 - 1,5%, nơi cao 4 - 5%, cục bộ 15 - 20% (Tam Đảo).

- Bệnh khô vằn gây hại rải rác tỷ lệ đánh hại phổ biến 1 - 2%, cao từ 3 - 5%, cục bộ 15% (Tam Đảo).

- Chuột gây hại rải rác, tỷ lệ đánh hại phổ biến 1 - 2%, cao từ 4 - 6%, cục bộ 10% (Lập Thạch)

- Bệnh thối thân gây hại cục bộ, tỷ lệ đánh hại cục bộ 0,1 - 2%, cao 3 - 5% (Phúc Yên).

Ngoài ra sâu cuốn lá lớn, sâu đục thân 5 vạch cú mèo gây hại rải rác.

2. Cây rau, màu

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu hại nhẹ, mật độ phổ biến 0,2 - 0,4 con/m², cao 1 con/m² (Yên Lạc, Vĩnh Tường).

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, bọ nhảy gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,5 - 1 con/m², cao 2 - 5 con/m² (Phúc Yên).

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bọ xít, bệnh sương mai, bệnh thán thư gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại nhẹ.

4. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại nhẹ.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 21/7 - 27/7/2021

1. Cây lúa

Sâu đục thân 2 chấm lứa 3, sâu đục thân cú mèo tiếp tục gây hại rải rác; trưởng thành sâu đục thân lứa 4 đang ra rải rác; trưởng thành sâu cuốn lá nhỏ lứa 5 tiếp tục ra rộ. Dự báo, sâu non gây hại các trà lúa mùa từ cuối tháng 7 đến đầu tháng 8, cần chú ý theo dõi để kịp thời phòng trừ. Chuột gây hại nhẹ - trung bình những diện tích lúa gần kênh, mương, ven đường đi và gần khu dân cư.

2. Cây rau, màu

- Trên cây cà chua, dưa chuột: Bệnh héo xanh, sương mai, giả sương mai, phấn trắng phát sinh gây hại rải rác.

- Trên rau thập tự: Bọ nhảy, sâu khoang, sâu xanh, sâu tơ tiếp tục gây hại nhẹ (Phúc Yên).

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu hại cục bộ (Yên Lạc).

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bọ xít, bệnh sương mai, bệnh thán thư gây hại nhẹ

- Cây xoài: Bệnh thán thư hại nhẹ.

IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

1. Đề nghị

- Trạm Trồng trọt & BVTV các huyện, thành phố tăng cường phối hợp chặt chẽ với phòng Nông nghiệp & PTNT (Kinh tế), trạm Khuyến nông trên địa bàn chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn, HTX dịch vụ nông nghiệp, hướng dẫn nông dân chăm sóc bón thúc đợt 2 (bón đón đòng) cho lúa nhằm tạo điều kiện cho cây lúa sinh trưởng, phát triển tốt; thăm đòng thường xuyên, chú ý theo dõi mật độ trưởng thành sâu đục thân 2 chấu lúa 4, sâu cuốn lá nhỏ lúa 5 ra rộ và dự báo thời gian sâu non nở rộ để có biện pháp phòng chống kịp thời.

- Đảm bảo nước tưới và chăm sóc tốt cây rau, màu. Khi có sinh vật gây hại vượt ngưỡng cần khuyến cáo nông dân sử dụng các loại thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học, thảo mộc để phun phòng chống, đảm bảo an toàn cho người sử dụng, ít ảnh hưởng đến môi trường.

- Thực hiện tốt công tác quản lý việc buôn bán và sử dụng phân bón, thuốc BVTV; công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn tỉnh.

2. Biện pháp quản lý

- Biện pháp thủ công: Ngắt danh héo sâu đục thân, bắt ốc bươu vàng, bẫy bắt chuột nhằm hạn chế sự gây hại của chúng trên diện rộng.

- Biện pháp hóa học: Phun thuốc khi có mật độ, tỷ lệ hại đến ngưỡng phòng chống bằng thuốc đặc hiệu như:

+ Sâu đục thân, sâu cuốn lá dùng: Virtako 40WG, Pattox 95SP, Nicata 95SP, Marshal 200SC,...

+ Sâu keo mùa thu trên ngô dùng thuốc: Bitadin WP, Angun 5WG, Emaben 3,6WG, Proclaim® 5WG, Lufen extra 100EC,...

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 14/7 - 20/7/2021), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, thành phố;
- Lưu: BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Anh Tuấn

BẢNG THỐNG KÊ
DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG
(Từ ngày 14/7 đến ngày 20/7/2021)

Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại				Diện tích nhiễm (ha)					DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr			
Cây lúa	Đẻ nhánh rộ - đứng cái	Sâu cuốn lá nhỏ	Con/m ²	22,7	30		97	95	2			+40	90	Rải rác
		Sâu đục thân 2 chấm	%DH	10			30	30				+30	40	Rải rác
		Bệnh nghệt rễ, vàng lá sinh lý	% KH	15			0,1	0,1				-4,4	1	Cục bộ
		Bệnh khô vằn	%DH	15			5	5				+5	10	Rải rác
		Bệnh thối thân	%DH	5,2			0,1	0,1				+0,1	0,1	Cục bộ
		Chuột	%DH	7,2			84	84				+29	7.921	Rải rác
Tổng DT nhiễm SB						223,2	221,2	2				8.065,1		

Ghi chú:GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dảnh hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

Cán bộ tổng hợp: `KS.Triệu Thị Ngọc Duyên.